TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DS-PT
Ngày: 07/6/2023
V/v "Tranh chấp về yêu cầu chấm dứt Hành vi cản trở việc thực hiện quyền sở hữu tài sản và yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Phú**
Các Thẩm phán: Ông **Trần Mạnh Dũng**
Ông **Nguyễn Văn Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Ông **Nguyễn Quang Minh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về yêu cầu chấm dứt Hnh vi cản trở việc thực hiện quyền sở hữu tài sản và yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2022/QĐPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn H T**, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn An Hà Tây, xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

+ Bà Phan Hồng H, sinh năm 1967. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Mạnh U, sinh năm 1988. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn An Hà Tây, xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

(Ông Nguyễn Mạnh U và ông Nguyễn Tuấn V uỷ quyền cho bà Phan Hồng H tham gia tố tụng – Theo giấy uỷ quyền ngày 05/5/2023).

- Bị đơn: Ông **Trần Ngọc H**, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn An Hà Tây, xã Tam Quang, huyện Núi THành, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Võ Thị A, sinh năm 1975; trú tại: thôn An Hà Tây, xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị A: Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn An Hà Tây, xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam *(theo giấy ủy quyền ngày 23/6/2017)*. Có mặt.

+ Bà Phan Hồng H, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn An Hà Tây, xã Tam Quang,

huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Khánh, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Như U, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Núi Thành. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Ngọc H.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án của nguyên đơn ông Nguyễn H T trình bày:

Vợ chồng ông là chủ sở hữu đối với hai tàu cá số ký hiệu Qna - 91469-TS và Qna-91459-TS, hai tàu cá trên được hình Thành như sau:

Năm 1996, ông cùng các ông Nguyễn Thanh Trung, Lê Tấn Tiến, Lê Văn Ngừng và Bùi Ngọc Thống Thành lập Tổ đánh bắt cá và chung vốn mua tàu cá số ký hiệu Qna - 1369-TS để làm tàu hậu cần của tổ. Sau khi mua, các Thành viên trong tổ thống nhất để ông đứng tên nghiệp chủ.

Năm 2001, ông cùng các ông Trung, Ngừng, Thống và Tiến tiếp tục chung tiền mua thêm tàu cá số ký hiệu QNa - 0649-TS, sau khi mua đổi số đăng ký lại Thành Qna-91459-TS do ông Nguyễn Thanh Trung đứng nghiệp chủ.

Năm 2003, ông Trung, ông Tiến rút khỏi tổ và bán lại phần vốn chung trong hai tàu cá cho ông. Năm 2010, ông và các ông Ngừng, Thống thống nhất bán chiếc tàu số ký hiệu Qna - 1369-TS mua năm 1996 nêu trên, thêm tiền đóng chiếc tàu khác lớn hơn để đánh bắt xa bờ. Đến năm 2011, chiếc tàu cá mới hoàn Thành với tổng trị giá gần 600.000.000 đồng, được đăng ký số Qna - 91469-TS.

Ngày 12/11/2013, ông Lê Văn Ngừng và vợ là Bùi Thị Hường bán lại phần vốn chung (01/5 hai con tàu) cho ông Đặng Văn Sỹ, bà Lê Thị Hướng, sau đó vào ngày 16/11/2013, vợ chồng ông Sỹ bà Hướng bán lại cho vợ chồng ông phần vốn này.

Ngày 12/01/2014, vợ chồng ông Bùi Ngọc Thống và bà Phan Thị Tài, bán lại phần vốn chung (01/5 hai con tàu) cho vợ chồng ông.

Năm 2015, ông đổi máy chính lớn hơn, được Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Quảng Nam cấp lại đăng ký mới nhưng vẫn giữ số đăng ký như cũ.

Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại hai chiếc tàu đánh cá số ký hiệu QNa - 91469-TS và QNa-91459-TS thuộc quyền sở hữu của hai vợ chồng ông.

Năm 2016, vợ chồng ông bán hai tàu cá trên thì ông Trần Ngọc H ngăn cản không cho vợ chồng ông bán.

Việc ông Trần Ngọc H cho rằng mình có một phần vốn góp (1/5) trong hai tàu cá này là không đúng. Năm 2003, do làm ăn không hiệu quả nên ông Trung và ông Tiến bán lại phần vốn góp trong hai con tàu, khi đó các Thành viên còn lại trong tổ là ông Ngừng và ông Thống không mua nên vợ chồng ông đứng ra mua nhưng vì không có tiền nên ông có trao đổi với ông Ngừng và ông Thống để vợ chồng ông mượn tài sản của Tổ là hai tàu cá thế chấp ngân Hàng vay tiền về thối trả cho ông Trung, ông Tiến và tu bổ sửa chữa lại tàu và mua thêm ngư lưới cụ phục vụ cho việc đánh bắt của tổ thì được ông Ngừng và ông Thống đồng ý, ký Giấy ủy quyền ngày 29/12/2003 ủy quyền cho vợ chồng ông thế chấp hai tàu cá của tổ để vay ngân Hàng.

Được sự đồng ý của ông Ngừng và ông Thống, năm 2004, vợ chồng ông thế chấp hai tàu cá số ký hiệu QNa - 91469-TS và QNa-91459-TS của Tổ nêu trên vay của Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Chu Lai số tiền 120.000.000đ về thối trả phần vốn góp cho ông Trung, ông Tiến, tu sửa tàu và mua sắm ngư lưới cụ phục vụ cho việc đánh bắt cá, không có việc vợ chồng ông vay hộ cho ông H. Việc vay ngân Hàng là vợ chồng ông đứng ra vay, chịu trách nhiệm trả lãi và gốc cho ngân Hàng, không liên quan gì đến các Thành viên trong Tổ.

Năm 2004, sau khi mua lại phần vốn góp của ông Trung và ông Tiến, do chỗ anh em nên vợ chồng ông đã đồng ý để ông Trần Ngọc H về cùng tham gia hoạt động đánh bắt cá của Tổ. Trong quá trình làm ăn thì giữa ông H và ông Ngừng, ông Thống xảy ra cãi vã quanh vấn đề công, của (tức vốn góp và công làm) nên đến năm 2011, trong khi họp tổ, ông có viết giấy thể hiện ông H có một phần vốn góp, mục đích nhằm tránh sự cãi vã, mâu thuẫn giữa ông H và ông Ngừng, ông Thống, đảm bảo việc làm ăn được thuận lợi, còn thực tế ông H không có phần vốn góp nào đối với hai tàu cá nêu trên của Tổ.

Xét thấy, hai tàu cá số ký hiệu QNa - 91469-TS và QNa - 91459-TS thuộc quyền sở hữu của hai vợ chồng ông, việc ông H cản trở không cho vợ chồng ông bán hai tàu cá này làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông. Do vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H chấm dứt Hnh vi cản trở việc thực hiện quyền sở hữu tài sản đối với hai tàu cá nêu trên.

Đối với số nợ của Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Núi Thành số tiền 1.200.000.000 đồng: Ông đã thế chấp tàu cá số Qna- 91469-TS và quyền sử dụng đất để vay vốn làm ăn, khoản nợ này chưa đến hạn trả cuối cùng và không vi phạm hợp đồng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Ngọc H trình bày:

Khoảng đầu năm 2004, khi ông Nguyễn Thanh Trung và ông Lê Tấn Tiến rút cổ phần thì các ông Nguyễn H T, Bùi Ngọc Thống và Lê Văn Ngừng mời ông về làm chung, vì không có vốn nên ông Ngừng, ông Thống và ông T thống nhất để vợ chồng ông T đứng ra thế chấp hai tàu cá vay tiền ngân Hàng để thối trả cho ông Tiến và ông Trung, ông có nhờ ông T vay giúp ông 50.000.000 đồng để ông góp vốn vào tổ, vào hai chiếc tàu cá nói trên, tương đương 1/5 giá trị hai con tàu. Vợ chồng ông T đã đứng ra vay của Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Chu Lai số tiền 120.000.000 đồng (trong đó có số tiền ông nhờ vay nói trên), ông T đã dùng số tiền này thối trả cho ông Trung và ông Tiến và sửa chữa tàu. Số nợ này, ông bị vợ chồng ông T trừ dần vào tiền thu được trong quá trình đánh bắt cá, trả dần gốc và lãi cho đến năm 2007 thì hết nợ. Khi ông góp vốn năm 2004 thì hai tàu cá nói trên được chia làm 5 phần: Ông T 2 phần; ông Thống, ông Ngừng và ông (H) mỗi người 1 phần.

Năm 2011, sau khi đóng tàu mới đăng ký số QNa-91469-TS, những người trong tổ thống nhất thế chấp hai chiếc tàu QNa-1459-TS, QNa-1369-TS và nH của ông (H), nH của ông T để vay tiền tại Ngân Hàng Agribank Việt Nam – Chi nhánh Khu KTM Chu Lai 350.000.000 đồng cho ba chiếc tàu hoạt động. Sau đó chừng một năm thì bán chiếc tàu QNa-1369-TS với giá 85.000.000 đồng, còn lại hai chiếc hoạt động cho đến bây giờ.

Vì hai chiếc tàu đều do ông T đứng tên, nên những người trong tổ yêu cầu ông T pH viết giấy ghi rõ phần góp vốn của từng người. Việc ông có 1/5 vốn góp được ông T thừa nhận, ghi rõ trong Biên bản họp tổ ngày 20/9/2011, Biên bản hòa giải tại thôn An

Hà Tây ngày 27/12/2016 và sự xác thực của những người cùng chung làm trong tổ lúc đó là ông Ngừng và ông Thống.

Cuối năm 2016, vợ chồng ông T tự ý bán hai chiếc tàu này, không thông qua ý kiến của ông, nên ông mới cản trở. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T và đề nghị Tòa án chia cho ông 1/5 giá trị hai chiếc tàu.

Theo kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định, giám định Cửu Long thì hai tàu cá có giá trị 1.489.000.000đ nên ông yêu cầu vợ chồng ông T chia cho ông số tiền 297.800.000đ, tương đương 1/5 số cổ phần ông có trong hai tàu cá QNa-91459-TS và QNa-91469-TS.

Ông rút yêu cầu buộc vợ chồng ông T trả cho ông lợi nhuận có được từ việc sử dụng hai tàu cá cũng như khoản tiền nH nước hỗ trợ nhiên liệu cho ngư dân tham gia khai thác vùng biển xa từ năm 2017 đến nay.

Về việc ông T, bà H dùng tàu cá QNa-91469 TS bảo đảm khoản vay 1.200.000.000 đồng, ông không được biết, đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết khoản nợ này như ông T đã khai.

**** Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn H T là bà Phan Hồng H trình bày:***

Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn H T, chồng bà viết Biên bản họp tổ vào lúc 7 giờ 15 phút ngày 20/9/2011 là để hợp thức vai trò của ông H trong việc thay mặt ông T và bà để điều Hnh các Thành viên trên tàu, không công nhận ông H có 1/5 cổ phần của hai chiếc tàu nói trên. Còn nội dung ông T đồng ý ông H có cổ phần trong hai tàu cá tại Biên bản hòa giải tại thôn An Hà Tây ngày 27/12/2016 khi chưa được sự đồng ý của bà là trái với quy định pháp luật vì hai tàu cá là tài sản chung của vợ chồng bà, ông T không có quyền tự mình định đoạt các tài sản này.

**** Người có quyền lợi liên quan bà Võ Thị A:*** Có văn bản ủy quyền ngày 23/6/2017 cho ông Trần Ngọc H tham gia tố tụng.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Núi Thành trình bày:***

Ngày 20/11/2019, giữa Ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Núi Thành và ông Nguyễn H T ký kết hợp đồng tín dụng số 4208LAV201901846 với số tiền vay là 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9,5%/năm, dư nợ tính đến ngày 24/11/2019 là 1.201.249.315 đồng. Hợp đồng tín dụng được đảm bảo tài sản thế chấp theo 2 hợp đồng thế chấp tài sản như sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/11/2019/HĐTC/TC ngày 19/11/2019. Loại tài sản như sau: Tàu đánh cá vỏ gỗ, số đăng ký QNa-91469 TS.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, số 02/11/2019/HĐTC ngày 19/11/2019. Loại tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: N638491 do UBND huyện Núi Thành cấp ngày 30/6/2004, số vào sổ 1847.

Ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Núi Thành yêu cầu: Ông Nguyễn H T trả nợ đúng hạn theo đúng Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Việc tranh chấp tài sản giữa ông Nguyễn H T và ông Trần Ngọc H không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Núi Thành nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

- Lời khai những người làm chứng:

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14/12/2017, các ông Lê Văn Ngừng và Bùi Ngọc Thống khẳng định tập thể có thống nhất để ông T đứng tên thế chấp hai tàu cá, vay ngân Hàng 120.000.000 đồng, khi mời ông H về cùng làm chung thì lấy 50.000.000 đồng cho ông H vay, góp vốn nên ông H có 1 cổ phần. Tuy nhiên tại biên bản ghi lời khai các ngày 05 và 07 tháng 01 năm 2022, các ông Ngừng, Thống lại khai năm 2004, hai ông đồng ý ủy quyền cho vợ chồng ông T thế chấp hai tàu cá của tổ vay ngân Hàng để ông T thối trả cổ phần cho ông Tiến và ông Trung, lúc đó ông chỉ nghe ông T nói là có vay giúp cho ông H 50.00.000đ để góp cổ phần vào hai tàu cá, còn thực tế sau khi ủy quyền, vợ chồng ông T vay bao nhiêu tiền, ngoài trả cổ phần cho ông Tiến, ông Trung, vợ chồng ông T sử dụng số tiền đã vay như thế nào thì hai ông không biết, vợ chồng ông T chịu trách nhiệm với khoản tiền vay của ngân Hàng, hai ông không liên quan. Còn việc chia lợi nhuận có được sau mỗi chuyến biển thì chia ra 05 phần, có ghi ông H 01 phần, hai ông nhận phần của mình, 03 phần còn lại ông T nhận và sau khi nhận, ông T có đưa cho ông H không thì hai ông không rõ. Năm 2013, và 2014, hai ông đã bán phần vốn chung của mình nên không liên quan gì đến hai con tàu nữa và yêu cầu xét xử vắng mặt hai ông.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 48, 165, 166, 217 và 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 126, 164, 165, 169 và 170 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn H T về việc *"Yêu cầu chấm dứt Hnh vi cản trở việc thực hiện quyền sở hữu tài sản"* đối với ông Trần Ngọc H. Buộc ông Trần Ngọc H chấm dứt Hnh vi cản trở việc thực hiện quyền sở hữu về tài sản đối với hai tàu cá ký hiệu Qna-91459-TS và Qna-91469-TS theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số: 0035/2013/GCNĐK do Chi cục bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Nam cấp ngày 23/02/2013 và Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số: 0036/2015/GCNĐK do Chi cục bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Nam cấp ngày 04/02/2015.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Ngọc H về việc buộc ông Nguyễn H T pH trả cho ông Trần Ngọc H 01/5 giá trị hai tàu cá ký hiệu Qna-91459-TS và Qna-91469-TS tương đương số tiền 297.800.000đ.

- Ông Trần Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn H T 05 tệp lưới, 01 máy dò cá loại nhỏ, 02 đàm ngắn, 01 Icom 718, 01 định vị Furuno.

- Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu chia lợi nhuận có được từ việc sử dụng hai tàu cá và tiền NH nước hỗ trợ nhiên liệu từ năm 2017 đến nay cho hai tàu cá Qna-91459-TS và Qna-91469-TS của ông Trần Ngọc H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi Hnh án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/02/2022, bị đơn ông Trần Ngọc H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 09/02/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Trần Ngọc H rút một phần yêu cầu phản tố. Cụ thể ông H trình bày: Hiện nay ông Nguyễn H T đã chết nên ông chỉ yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn H T trả cho ông số tiền 170.000.000 đồng tiền góp vốn vào hai con tàu như ông đã thỏa thuận trước đây

với ông T, ông rút yêu cầu đối với số tiền 127.800.000 đồng trong tổng số tiền 297.800.000 đồng mà ông đã yêu cầu nguyên đơn trả 1/5 giá trị hai con tàu tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Núi Thành và kháng cáo của ông Trần Ngọc H, sửa bản án sơ thẩm, buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn H T có nghĩa vụ thối trả lại cho ông Trần Ngọc H giá trị hai con tàu theo như yêu cầu của ông H tại phiên tòa là 170.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn ông Trần Ngọc H rút một phần yêu cầu phản tố, không rút kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam không rút kháng nghị.

[2] Xét việc rút một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Ngọc H:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trần Ngọc H yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn H T trả cho ông số tiền 170.000.000 đồng tiền góp vốn vào hai con tàu, rút yêu cầu đối với số tiền 127.800.000 đồng trong tổng số tiền 297.800.000 đồng mà ông đã yêu cầu nguyên đơn trả 1/5 giá trị hai con tàu tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu phản tố của ông H là tự nguyện và đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận, căn cứ khoản 4 Điều 308; Điều 311 BLTTDS, tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Ngọc H về việc buộc ông Nguyễn H T thối trả số tiền 127.800.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo, kháng nghị thì thấy:

[3.1] Nguồn gốc hình Thành hai tàu cá QNa-91469-TS và QNa-91459-TS:

Năm 1996, các ông Nguyễn H T, Nguyễn Thanh Trung, Lê Văn Ngừng, Bùi Ngọc Thống và Lê Tấn Tiến cùng Thành lập Tổ đánh bắt cá và chung vốn mua 02 tàu cá gồm: Một con tàu mua ở Bình Định, ông Nguyễn Thanh Trung là người đứng tên nghiệp chủ (tàu chính) và một tàu cá số ký hiệu QNa - 1369-TS do ông Nguyễn H T đứng tên nghiệp chủ (tàu hậu cần).

Đến năm 2001, cả tổ thống nhất bán con tàu mua ở Bình Định, thêm tiền mua một con tàu cá số ký hiệu QNa - 0649-TS, sau khi mua thì đổi số đăng ký lại Thành QNa -1459-TS do ông Nguyễn Thanh Trung đứng tên.

Cuối năm 2003 và đầu năm 2004, ông Trung, ông Tiến rút khỏi cổ phần đối với

hai con tàu nêu trên.

Năm 2007, ông Ngừng và ông Thống ủy quyền cho ông T đứng tên nghiệp chủ con tàu Qna – 1459 TS. Năm 2013, ông T đăng ký lại con tàu này mang ký hiệu là QNa – 91459 TS.

Năm 2010, các cổ phần còn lại thống nhất bán con tàu hiệu QNa - 1369-TS được 85.000.000 đồng và thêm tiền đóng tàu mới, đến năm 2011 thì xong, đăng ký biển số QNa- 91469 TS, ông T cũng là người đứng tên nghiệp chủ (BL101). Năm 2015, ông T đổi máy chính công suất lớn hơn, được Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Quảng Nam cấp đăng ký mới nhưng vẫn giữ số đăng ký như cũ QNa - 91469-TS (BL05).

Cuối năm 2013, ông Ngừng bán cổ phần của mình từ hai tàu cá trên cho ông Đặng Văn Sỹ, bà Lê Thị Hướng, sau đó ông Sỹ, bà Hướng bán lại cho vợ chồng ông T. Đầu năm 2014, ông Thống bán cổ phần của mình cho vợ chồng ông T.

[3.2] Về khoản tiền vay 120.000.000 đồng và việc ăn chia sau mỗi chuyến đánh bắt cá:

Ngày 29/12/2003, vợ chồng ông Bùi Ngọc Thống, bà Phan Thị Tài và vợ chồng ông Lê Văn Ngừng, bà Bùi Thị Hường viết giấy ủy quyền cho vợ chồng ông Nguyễn H T, bà Phan Hồng H được đem tài sản chung của tổ gồm 02 tàu cá để thế chấp vay tiền tại Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh khu KTM Chu Lai – Phòng giao dịch Tam Quang, huyện Núi Thành, mục đích để sản xuất (BL271). Trên cơ sở đó, ngày 09/01/2004, vợ chồng ông Nguyễn H T ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh khu KTM Chu Lai – Phòng giao dịch Tam Quang, vay số tiền 120.000.000 đồng, mục đích là tu sửa tàu máy.

Đối với số tiền vay nêu trên, bị đơn ông H cho rằng vào cuối năm 2003 và đầu năm 2004, sau khi ông Tiến và ông Trung rút vốn, thì cả tổ không đủ tiền trả cho ông Trung và ông Tiến, lúc này, ông được các ông T, Thống và Ngừng cho về làm chung, cùng hoạt động đánh bắt cá nhưng do khi về làm chung ông không có tiền góp cổ phần vào tổ nên ông nhờ ông T vay giúp 50.000.000 đồng để góp vốn vào tổ thì được ông T thống nhất. Sau đó, ông Ngừng và ông Thống ủy quyền cho ông T đem hai con tàu thế chấp ngân Hàng vay 120.000.000 đồng (như đã nêu trên). Trong số tiền 120.000.000 đồng này, ông có 50.000.000 đồng do nhờ ông T vay giúp, tương đương 1/5 giá trị hai con tàu.

Sau khi vay được tiền, số tiền này được sử dụng như sau: Thối trả tiền cổ phần của ông Tiến và ông Trung (tiền rút vốn) và tu sửa lại hai con tàu. Kể từ đây, ông T có 02 cổ phần, ông Ngừng 01 cổ phần, ông Thống 01 cổ phần và ông H 01 cổ phần.

Ông T chịu trách nhiệm trả nợ vay cho ngân Hàng. Số nợ vay của ông H, vợ chồng ông T trừ dần vào tiền thu được trong quá trình đánh bắt cá, trả dần gốc và lãi cho đến năm 2007 thì hết nợ.

Mỗi chuyến đi đánh bắt cá về thì tính ăn chia như sau: Sau khi trừ chi phí, số tiền còn lại được phân ra: Tiền góp vốn cổ phần (gọi là tiền của) 60%, tiền công 40%. Đối với tiền công thì ai có tham gia đánh bắt cá thì chia cho người đó. Đối với tiền góp vốn thì chia đều Thành 05 phần, gồm: Ông T 02 phần, ông Ngừng 01 phần, ông Thống 01 phần và ông H 01 phần. Tuy nhiên, ông H chỉ nhận tiền công, không trực tiếp nhận số tiền góp vốn, số tiền này ông H để cho ông T nhận để trả nợ vay ngân Hàng thay cho ông H (vì ông T là người đứng tên vay tại ngân Hàng). Đến năm 2007, thì ông trả hết toàn bộ nợ vay cho ông T. Vì là anh em trong nH *(ông T và ông H là anh em cùng mẹ khác cha),* ông H tin tưởng nên lúc nhờ vay tiền ngân Hàng cũng như lúc trả nợ

vay cho ông T, cả hai đều không viết giấy tờ gì nhưng toàn bộ sự việc nêu trên có vợ chồng ông Ngừng và vợ chồng ông Thống đều biết rõ.

Trong quá trình làm ăn chung, tổ thống nhất phân công: Ông T là tổ trưởng, ông Ngừng chịu trách nhiệm ghi chép sổ sách ăn chia. Khi ông Ngừng rút vốn vào năm 2004 thì ông Ngừng bàn giao sổ sách cho ông T.

[3.3] Về biên bản họp tổ ngày 20/9/2011: Năm 2011, do cả hai con tàu đều đứng tên ông T, nên ông Ngừng, ông Thống và ông H yêu cầu ông T họp tổ ghi rõ cổ phần của từng người. Nên vào ngày 20/9/2011, cả tổ họp tại nH của ông T và ông T đã ghi biên bản họp tổ, trong đó ông T đã ghi rõ cổ phần của mỗi người là: Ông T 02 phần, ông Ngừng 01 phần, ông Thống 01 phần và ông H 01 phần.

[3.4] Về biên bản hòa giải của Ban hòa giải thôn An Hà Tây, xã Tam Quang:

Vào năm 2016, ông T bán hai con tàu thì ông H không cho bán nên ông T làm đơn gởi đến UBND xã Tam Quang yêu cầu giải quyết, buộc ông H chấm dứt việc cản trở ông T bán hai con tàu, UBND xã Tam Quang chuyển đơn đến Ban dân chính thôn An Hà Tây, xã Tam Quang để giải quyết. Vào ngày 27/12/2016, Ban hòa giải thôn An Hà Tây, xã Tam Quang đã tổ chức hòa giải, tại đây, ông T đã thừa nhận ông H có đóng góp cổ phần vào tổ.

[3.5] Lời khai ông Nguyễn H T và bà Phan Hồng H

Ông T và bà H không thừa nhận việc năm 2004 có vay giúp ông H 50.000.000 đồng để ông H góp cổ phần vào tổ, cũng như không thừa nhận việc trừ dần tiền vay trong mỗi chuyến đi đánh bắt cá về như ông H trình bày.

Về Biên bản họp tổ ngày 20/9/2011, ông T trình bày, sở dĩ ông ghi biên bản như vậy là vì trong quá trình làm ăn ông Ngừng và ông Thống thường than phiền với ông về việc ông H không có cổ phần, không có quyền nhưng lại sai khiến hai ông nên ông T mới ghi biên bản ghi nhận ông H có 01/05 cổ phần nhằm hợp thức việc điều Hnh lao động trên tàu. Bà H thống nhất với lời khai của ông T.

Về Biên bản giải quyết về việc mua bán tàu giữa ông T và ông H do Ban hòa giải thôn An Hà Tây lập ngày 27/12/2016, ông T khai là ông có hứa cho ông H 01 phần chứ không nói ông H có một cổ phần. Việc ông hứa nhưng không có sự đồng ý của vợ ông là bà H là không đúng pháp luật nên ông rút lại lời hứa này. Bà H cũng không đồng ý việc ông T hứa cho ông H 1/5 giá trị hai con tàu. Bà H khẳng định vợ chồng bà không có giữ sổ sách của tổ.

[3.6] Về lời khai của người làm chứng:

** Lời khai ông Bùi Ngọc Thống, bà Phan Thị Tài (vợ ông Thống):*

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2017 của TAND huyện Núi Thành (BL51), ông Thống khai ông không biết việc chung cổ phần của ông H.

- Tại Biên bản lấy lời khai của VKSND huyện Núi Thành (BL189), ông Thống, bà Phan Thị Tài khai: *"Trước năm 2004, tổ tàu cá chúng tôi có 05 người gồm tôi (Thống), ông Ngừng, ông Trung, ông Tiến và ông T góp vốn vào hai con tàu để làm ăn, đến năm 2004, thì ông Tiến và ông Trung rút vốn nên tổ tàu còn lại 03 người: Tôi (Thống), ông Ngừng, ông T và 3 người chúng tôi thống nhất để anh H tham gia góp vốn cổ phần bằng cách là chúng tôi thống nhất thế chấp hai con tàu để đi vay, số tiền vay và thủ tục vay do ông T đứng tên, nhưng số tiền vay về để cho anh H chung góp vốn 01 cổ phần, ông T 01 cổ phần, phần tiền còn lại tu bổ tàu; tiền cổ phần của anh T và anh H để thối lại vốn cho anh Trung và anh Tiến"*.

Cũng tại biên bản này, khi được hỏi *"ông Thống cho biết trong biên bản lấy lời*

khai ngày 15/7/2017 của Tòa án, ông khai ông không biết việc chung cổ phần của ông H, sao hôm nay ông khai là ông H có chung cổ phần" thì ông Thống trả lời *"Việc này Tòa án bảo tôi ghi nội dung như vậy chứ tôi không hiểu"* và khẳng định *"Tôi tự nguyện trình bày lời nói nội dung sự việc cho anh H ghi âm về việc anh H chung cổ phần"*.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14/12/2017 (BL218), ông Thống khai: "*Năm 2004, ông Tiến, ông Trung xin rút cổ phần bàn giao lại cho anh em tôi, chúng tôi vay ngân Hàng trả lại cho ông Trung và ông Tiến. Ông H về làm thuyền trưởng, chúng tôi đồng ý để ông T đứng vay 100 triệu hay 120 triệu gì đó, có góp cho ông H 01 cổ phần*".

Khi được hỏi "*Ông T trình bày ghi cho ông H có cổ phần để dễ điều Hnh chứ thực chất ông H không có cổ phần đúng không*" thì ông Thống trả lời: *"Không đúng. Ông H được hưởng phần giống như chúng tôi. Nếu như ông H không có cổ phần thì chúng tôi đã không thống nhất để ông H hưởng phần giống chúng tôi" (BL219).*

- Trong thiết bị USB có chứa nội dung ghi âm lời nói của ông Thống, do ông H cung cấp, đã được ông H lập vi bằng, ông Thống cũng khẳng định ông H có một cổ phần trong hai con tàu của tổ.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2022 (BL536) của TAND huyện Núi Thành, ông Thống khai: *"Tôi thống nhất và giữ nguyên lời trình bày trước đây đã trình bày ở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, tôi không thay đổi lời khai, không thay đổi ý kiến"*.

- Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam ngày 02/11/2022: Ông Thống một lần nữa khẳng định ông H có một cổ phần từ việc vay ngân Hàng năm 2004.

** Lời khai của ông Ngừng, bà Bùi Thị Hường (vợ ông Ngừng):*

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/6/2017 (BL130), ông Ngừng khai "*Khi tôi còn có cổ phần trong 02 tàu cá này thì tôi có biết ông H có cổ phần trong tàu cá này*".

- Tại Biên lấy lời khai của VKSND huyện Núi Thành (BL189), Bà Hường khai: *"Khi đi biển về lợi nhuận thu được sau khi trừ chi phí cho chuyến biển, phần còn lại chia cho công 40%, của (vốn góp) 60% và phần của 60% này chia 05 cổ phần, cụ thể: anh H 01 cổ phần, anh T 02 cổ phần, anh Thống 01 cổ phần và anh Ngừng (chồng tôi) 01 cổ phần"*

- Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14/12/2017 (BL218), ông Ngừng khai *"Sau khi ông Trung, ông Tiến rút cổ phần, còn lại 03 người. Làm đến năm 2004 thì ông H mới về. Sau khi thối phần của ông Trung và ông H thì những người còn lại thống nhất vay cho ông H 01 cổ phần"* và "*Có 2 phần mới, thối cho ông Trung và ông Tiến là để ông T đi vay 120.000.000 đồng, giao cho ông T thối 01 phần cho ông Trung, 01 phần cho ông Tiến, mỗi người 50.000.000 đồng. Từ đó ông H đứng 01 cổ phần của ông Trung hoặc ông H"*.

"Tôi công nhận ông H có 01 cổ phần, vì khi chia tiền lời có chia cho mỗi người đều nhau, tôi 10.000.000 đồng thì ông H cũng được 10.000.000 đồng. Tôi 5.000.000 đồng thì ông H cũng được 5.000.000 đồng. Do đó, chứng tỏ ông H có cổ phần".

- Khi được hỏi *"Việc ông T cho rằng ghi biên bản ông H có cổ phần để dễ điều Hnh đúng không"* thì ông Ngừng trả lời: *"Nếu ông H không chung cổ phần thì không thể nào chúng tôi đồng ý để ông T viết văn bản để ông H hưởng quyền lợi như vậy" (BL219).*

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2022 (BL535), ông Ngừng khai: *"Khi họp tổ thì được ông T thông báo và ghi trong biên bản họp là ông H có một cổ phần"* và *"Kết thúc mỗi chuyến đi biển thì tổ họp quyết toán chia lời, chia lỗ thì ông T vẫn thông báo chia của làm 5 phần, trong đó ông T 02 phần, ông Ngừng 01 phần, ông Thống 01 phần, ông H 01 phần"*.

- Trong thiết bị USB có chứa nội dung ghi âm lời nói của ông Ngừng, do ông H cung cấp, đã được ông H lập vi bằng, ông Ngừng cũng khẳng định ông H có một cổ phần trong hai con tàu của tổ.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2022 (BL537), ông Ngừng cũng có lời khai tương tự như trên.

- Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam ngày 02/11/2022: Ông Ngừng một lần nữa khẳng định ông H có một cổ phần từ việc vay ngân Hàng năm 2004.

[3.6] Về căn cứ xác lập quyền sở hữu: Các tàu cá Qna-91459-TS và Qna-91469-TS được các đồng sở hữu đăng ký quyền sở hữu và được Chi cục bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo quy định của pháp luật. Các Giấy chứng nhận tàu cá này cùng với tờ khai chung phương tiện khai thác thủy sản là cơ sở, căn cứ xác lập quyền sở hữu của các đồng sở hữu đối với hai tàu cá Qna-91459-TS và Qna-91469-TS. Tuy nhiên, qua xem xét Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số: 0035/2013/GCNĐK do Chi cục bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Nam cấp ngày 23/02/2013, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số: 0036/2015/GCNĐK do Chi cục bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Nam cấp ngày 04/02/2015 và các tờ khai chung phương tiện khai thác thủy sản các ngày 04/01/2004, ngày 21/9/2007 do UBND xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xác nhận cho thấy các đồng sở hữu đối với hai tàu cá này là các ông Nguyễn H T, Bùi Ngọc Thống và ông Lê Văn Ngừng, không có tên ông Trần Ngọc H. Ông Trần Ngọc H cũng thừa nhận ông không đứng tên đồng sở hữu đối với hai con tàu nêu trên.

[4] Xét toàn diện các chứng cứ trên cho thấy: Lời khai của ông Trần Ngọc H phù hợp với lời khai của những người làm chứng, Biên bản họp tổ ngày 20/9/2011 và Biên bản giải quyết của Ban hòa giải thôn An Hà Tây, thể hiện năm 2004, ông H có chung vốn làm ăn đánh bắt cá số tiền 50.000.000 đồng, bằng cách nhờ vợ chồng ông Nguyễn H T vay ngân Hàng số tiền 50.000.000 đồng, sau đó trả dần cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, đối với việc xác lập quyền sở hữu chung đối với hai con tàu p H được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nhưng các giấy tờ xác lập quyền sở hữu chung đối với hai con tàu chỉ có tên các ông Nguyễn H T, Bùi Ngọc Thống và ông Lê Văn Ngừng, không có tên ông Trần Ngọc H và chính ông Trần Ngọc H cũng thừa nhận ông không đứng tên đồng sở hữu đối với hai con tàu nêu trên. Do đó, không có cơ sở pháp lý để chấp nhận ông Trần Ngọc H là đồng sở hữu đối với hai con tàu (1/5 giá trị hai con tàu). Đến thời điểm khởi kiện, hai con tàu và các vật dụng đánh bắt cá thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn H T và bà Phan Hồng H, nên nguyên đơn yêu cầu buộc ông H chấm dứt Hnh vi cản trở việc thực hiện quyền sở hữu tài sản đối với hai tàu cá nêu trên là có cơ sở.

Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Ngọc H, sửa bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, buộc bà Phan Hồng H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn H T (bà Phan Hồng Hồng,

ông Nguyễn Mạnh U và ông Nguyễn Tuấn V) liên đới trả lại cho ông Trần Ngọc H số tiền đóng góp làm ăn đánh bắt cá là 50.000.000 đồng.

Số tiền còn lại không có cơ sở chấp nhận là 120.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Ngọc H pH chịu án phí 300.000 đồng đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông H chấm dứt Hnh vi cản trở việc thực hiện quyền sở hữu tài sản đối với hai tàu cá được HĐXX chấp nhận. Đối với yêu cầu buộc bên nguyên đơn thối trả 170.000.000 đồng, HĐXX chỉ chấp nhận 50.000.000 đồng và không chấp nhận 120.000.000 đồng, nên ông H pH chịu án phí 5% trên số tiền 120.000.000 đồng là 6.000.000 đồng. Ông Trần Ngọc H rút yêu cầu phản tố đối với số tiền 127.800.000 đồng nên không pH chịu án phí trên số tiền này. Tổng cộng ông H pH chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 6.300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004797 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Núi Thành, số tiền án phí còn lại pH nộp là 6.000.000 (Sáu triệu) đồng.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn H T: Bà Phan Hồng H, ông Nguyễn Mạnh U, ông Nguyễn Tuấn V pH chịu án phí 5% trên số tiền 50.000.000 đồng là 2.500.000 đồng, được trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001230 ngày 21/02/2017 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Núi Thành, số tiền án phí còn lại pH nộp là 2.200.000 đồng.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Ngọc H sửa bản án sơ thẩm nên ông Trần Ngọc H không pH chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 4 Điều 308; Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự

Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Ngọc H về việc buộc ông Nguyễn H T thối trả số tiền 127.800.000 (Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng.

[2] Căn cứ khoản 2, Điều 308; khoản 2, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành và một phần kháng cáo của ông Trần Ngọc H.

Sửa bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, về việc *"Tranh chấp về yêu cầu chấm dứt Hnh vi cản trở việc thực hiện quyền sở hữu tài sản và yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung"*.

Căn cứ vào các Điều 26, 165, 166, 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 126, 164, 165, 169 và 170 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn H T về việc "Yêu cầu chấm dứt Hnh vi cản trở việc thực hiện quyền sở hữu tài sản" đối với

ông Trần Ngọc H. Buộc ông Trần Ngọc H chấm dứt Hnh vi cản trở việc thực hiện quyền sở hữu về tài sản đối với hai tàu cá ký hiệu Qna-91459-TS và Qna-91469-TS theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số: 0035/2013/GCNĐK do Chi cục bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Nam cấp ngày 23/02/2013 và Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số: 0036/2015/GCNĐK do Chi cục bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Nam cấp ngày 04/02/2015.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Ngọc H: Buộc bà Phan Hồng H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn H T (bà Phan Hồng H, ông Nguyễn Mạnh U và ông Nguyễn Tuấn V) liên đới trả lại cho ông Trần Ngọc H **50.000.000** (Năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án đối với khoản tiền người pH thi Hnh án có nghĩa vụ pH trả cho đến khi thi Hnh án xong, thì người pH thi Hnh án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Ông Trần Ngọc H có nghĩa vụ trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn H T là bà Phan Hồng H, ông Nguyễn Mạnh U và ông Nguyễn Tuấn V: 05 tệp lưới, 01 máy dò cá loại nhỏ, 02 đàm ngắn, 01 Icom 718, 01 định vị Furuno.

4. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu chia lợi nhuận có được từ việc sử dụng hai tàu cá và tiền NH nước hỗ trợ nhiên liệu từ năm 2017 đến nay cho hai tàu cá Qna-91459-TS và Qna-91469-TS của ông Trần Ngọc H.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá: Tổng chi phí hai lần là 28.400.000 đồng.

- Ông Nguyễn H T đã nộp và tự nguyện chịu chi phí định giá cho lần định giá ngày 22/6/2017 là 2.000.000 đồng.

- Ông Trần Ngọc H pH chịu chi phí định giá theo Chứng thư định giá số QN001/20TĐ ngày 05/7/2020 là 26.400.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng ông H đã nộp đủ vào ngày 11/6/2020.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Ngọc H pH chịu án phí dân sự sơ thẩm là: **6.300.000** (Sáu triệu ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004797 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Núi Thành, số tiền án phí còn lại pH nộp là **6.000.000** (Sáu triệu) đồng.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn H T: Bà Phan Hồng H, ông Nguyễn Mạnh U, ông Nguyễn Tuấn V pH liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là **2.500.000** (Hai triệu năm trăm ngàn) đồng, được trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001230 ngày 21/02/2017 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Núi Thành, số tiền án phí còn lại pH nộp là **2.200.000** (Hai triệu hai trăm ngàn) đồng.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Ngọc H không pH chịu. Hoàn trả lại ông Trần Ngọc H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010953 ngày 11/02/2022 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Bản án này được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự, người được thi Hnh án dân sự, người pH thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi

Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 07/6/2023).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *TAND huyện Núi Thành;*
- *CC THADS huyện Núi Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Huỳnh Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Văn Phú